

THẺ LỆ GỬI BÀI

1. Bài nhận đăng là các công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý, kinh tế và các lĩnh vực khác có liên quan; có nội dung khoa học mới và chưa đăng ở bất kỳ tạp chí nào. Tác giả phải chịu trách nhiệm về nội dung, tính minh bạch, tính khoa học độc lập của bài viết. Nếu muốn ngừng đăng hoặc chuyển sang tạp chí khác, tác giả phải thông báo ngay cho Ban Biên tập.

2. Bài báo khoa học phải bao gồm các phần:

- 2.1. Tên bài viết: ngắn gọn (không quá 20 từ), rõ ràng và phản ánh nội dung chính của bài viết.
- 2.2. Tóm tắt: viết thành một đoạn văn (từ 150 đến 200 từ), phản ánh khái quát nội dung chính trong bài viết.
- 2.3. Từ khóa: cần đưa ra 3 đến 5 từ khóa theo thứ tự Alphabet và thể hiện đặc trưng chủ đề của bài viết.
- 2.4. Nội dung bài viết: nêu rõ kết quả nghiên cứu của tác giả với các phần: Đặt vấn đề, tổng quan nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả và thảo luận, kết luận.
- 2.5. Tài liệu tham khảo: danh mục được sắp xếp thứ tự Alphabet theo họ tác giả, năm xuất bản, tên bài viết/ấn phẩm, nơi xuất bản.

3. Bài gửi đăng được soạn thảo theo font chữ Times New Roman, bảng mã Unicode, cỡ chữ 12, in trên khổ giấy A4, không quá 10 trang (trường hợp đặc biệt Ban Biên tập xem xét riêng), lề trên 2,54cm, lề dưới 2,54cm, lề phải 2,54cm, lề trái 2,54cm, khoảng cách dòng 1.3; bảng, hình vẽ phải trình bày dạng gốc, không chuyển qua dạng ảnh. Tên hình vẽ đặt phía dưới, tên bảng biểu đặt phía trên. Cuối bài cần phải viết bằng tiếng Anh: tựa đề, tóm tắt (abstract), từ khóa (keywords).

4. Thời gian gửi bài: Ban Biên tập thường xuyên nhận bài gửi đăng từ các tác giả trong và ngoài trường, tổ chức thẩm định và xét duyệt theo quy định của Tạp chí. Các bài gửi đăng đạt yêu cầu sẽ được đăng trên số Tạp chí định kỳ phát hành gần nhất. Bài không đăng sẽ được thông báo cho tác giả, Ban Biên tập không trả lại bản thảo.

5. Để thuận tiện cho việc liên hệ, tác giả đính kèm trang thông tin cá nhân và ghi rõ: họ tên, học hàm, học vị, đơn vị công tác, điện thoại, email, lĩnh vực nghiên cứu chính.

6. Tác giả gửi bài viết và file số liệu cho Ban biên tập qua Hệ thống quản lý tạp chí Khoa học Quản lý và Kinh tế qua email: tapchiquanlykinhte@hce.edu.vn.



TẠP CHÍ

Khoa học Quản lý & Kinh tế

JOURNAL OF ECONOMICS AND MANAGEMENT SCIENCE

ISSN: 2354-1350

TẠP CHÍ

Khoa học Quản lý & Kinh tế

JOURNAL OF ECONOMICS AND MANAGEMENT SCIENCE

SỐ/NUMBER: 14 THÁNG 00, 2020



SỐ/NUMBER: 14 THÁNG 00, 2020

MỤC LỤC

1. Ý định giới thiệu điểm đến du lịch Huế của du khách nội địa
Nguyễn Thị Lệ Hương, Phan Thanh Hoàn 1
2. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến văn hoá doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân chi nhánh Quảng Ngãi
Võ Thị Thu Diệu..... 19
3. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện Trung ương Huế
Nguyễn Lê Hiệp, Nguyễn Khánh..... 37
4. Mối quan hệ giữa năng lực lãnh đạo, văn hoá doanh nghiệp và kết quả hoạt động doanh nghiệp và kết quả hoạt động doanh nghiệp theo quan điểm thẻ điểm cân bằng tại Công ty cổ phần dệt may Hoà Thọ
Bùi Thị Minh Thu, Lê Vĩnh Hoàng Linh 51
5. Nghiên cứu công tác kiểm soát nội bộ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế
Phan Xuân Quang Minh, Phạm Thị Ái Mỹ..... 71
6. Thực trạng và đề xuất nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch ở thành phố Huế
Nguyễn Đức Kiên, Huỳnh Thị Ngọc Vân, Nguyễn Ái Nhân..... 89
7. Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán – kiểm toán của Việt Nam do các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện
Lê Nguyễn Nguyễn Nguyên..... 105

NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phan Xuân Quang Minh¹, Phạm Thị Ái Mỹ

Ngày nhận bài: 18/05/2020

Ngày nhận bản sửa: 10/06/2020

Ngày duyệt đăng: 25/06/2020

Tóm tắt. Kiểm soát nội bộ là một vấn đề được nghiên cứu từ rất lâu. Tuy nhiên việc nghiên cứu kiểm soát nội bộ trong lĩnh vực Công còn khá hạn chế. Do đó việc thực hiện nghiên cứu: “Công tác kiểm soát nội bộ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế” nhằm tìm hiểu về thực trạng công tác kiểm soát nội bộ có hiệu quả hay không là một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay. Đóng góp mới của nghiên cứu này dựa trên phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) cho ta thấy được một cái nhìn cụ thể hơn về công tác kiểm soát nội bộ tại Kho Bạc nhà nước nói riêng cũng như các đơn vị trong lĩnh vực công nói chung, điều mà chưa ai làm trước đây. Về thực tiễn, tác giả hy vọng có thể đóng góp ý kiến cho chính phủ, cho bộ tài chính, cho kho bạc nhà nước các cấp về nâng cao khả năng công tác kiểm soát chi tại kho bạc nhà nước.

Từ khóa: Kiểm soát nội bộ; Giám sát; TABMIS; Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát.

1. Đặt vấn đề

Quản lý và điều hành tài chính công nói chung và quản lý quỹ ngân sách nhà nước nói riêng có tầm quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Kho Bạc nhà nước (KBNN) là đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quỹ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước, quản lý nợ Chính phủ và các quỹ tài chính khác được giao theo Luật định. Xuất phát từ nhu cầu quản lý và phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế thị trường, kiểm soát nội bộ (KSNB) KBNN được thiết lập để phục vụ cho các cấp lãnh đạo đạt được tính kinh tế và tính hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ. Hệ thống kiểm soát nội bộ đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các sai sót, gian lận trong quá trình hoạt động của KBNN.

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: pxqminh@hce.edu.vn

Trong những nghiên cứu trước đây về kiểm soát nội bộ các nghiên cứu ở nước ngoài như nghiên cứu của Badara M.S. & Saidin S.Z (2013) nghiên cứu sự ảnh hưởng của hệ thống KSNB đến tính hữu hiệu của kiểm toán nội bộ trong các cơ quan hành chính địa phương. Bài nghiên cứu đã xây dựng một khung lý thuyết với hệ thống KSNB bao gồm 5 yếu tố: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, và giám sát có tác động đến kiểm toán nội bộ tại khu vực công. Afiah N.N & Azwari P.C (2015) đã tiến hành nghiên cứu sự ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến chất lượng báo cáo tài chính và ảnh hưởng của nó đến việc quản lý tốt của khu vực công, kết quả là bài nghiên cứu đã chứng minh rằng kiểm soát nội bộ có ảnh hưởng tốt hơn đến chất lượng báo cáo tài chính và chất lượng báo cáo tài chính tác động tích cực đến việc quản lý tốt. Trong phạm vi KBNN, Joseph O.N. & Albert O. & Byaruhanga P.J. (2015) đã tập trung vào tìm hiểu sự ảnh hưởng của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc nhận diện và ngăn chặn gian lận tại Kakamega, xác định rằng 5 yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ và có tác động đến các chỉ số của việc nhận diện và ngăn chặn gian lận nghiên cứu đưa ra những đề nghị nhằm nâng cao khả năng loại trừ gian lận.

Những nghiên cứu trong nước về KSNB lĩnh vực công có nghiên cứu của Lê Quang Bình (2006) về Nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán và việc xác định trọng yếu, rủi ro trong hoạt động kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để chỉ ra những lỗ hổng trong quy trình kiểm soát nội bộ để cải thiện. Còn Nguyễn Đức Thọ (2015) tiến hành nghiên cứu việc đổi mới hoạt động KSNB về sử dụng ngân sách, tài sản Nhà nước tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính. Bài nghiên cứu này đã hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, nghiên cứu mô hình sử dụng ngân sách, phân tích thực trạng và đưa ra phương hướng cũng như giải pháp trong việc đổi mới hệ thống KSNB.

Như vậy những nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác KSNB. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu về KSNB nào ở Việt Nam về lĩnh vực công, đặc biệt là KBNN nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến công tác KSNB mà chủ yếu các tác giả đi tìm hiểu quy trình và chỉ ra những điểm yếu trong quy trình đó để cải thiện. Do đó, đề tài này mang lại ý nghĩa khoa học và thực tiễn khá tốt.

Quá trình phát triển công tác kiểm soát nội bộ KBNN Thừa Thiên Huế trong thời gian qua đã thực sự phát huy hiệu quả phục vụ trong công tác quản lý tài chính; đảm bảo hoạt động KBNN tuân thủ nghiêm chính sách, chế độ quy trình nghiệp vụ; kịp thời cảnh báo những nguy cơ, rủi ro tiềm tàng; chấn chỉnh và xử lý nghiêm các sai phạm an

toàn về tiền và tài sản của Nhà nước giao cho KBNN quản lý. Tuy nhiên những rủi ro vẫn tiềm ẩn trong các hoạt động nghiệp vụ KBNN: vẫn còn thất thu ở một số khâu, ở một số lĩnh vực và chi NSNN cũng còn nhiều vấn đề bất cập như một số khoản chi còn lãng phí, thất thoát tiền của Nhà nước.

Xuất phát từ những lý do đó, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: “*Nghiên cứu công tác kiểm soát nội bộ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế*” để làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng công tác Kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2019, phát hiện những vấn đề còn hạn chế từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế đến năm 2022.

- Phương pháp nghiên cứu

Thông tin, số liệu thứ cấp

Được thu thập từ các cơ quan ban ngành liên quan từ Trung ương đến địa phương giai đoạn 2017 - 2019

Thông tin, số liệu sơ cấp

Phương pháp điều tra chọn mẫu được sử dụng để điều tra các cán bộ đang công tác tại KBNN thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế từ KBNN cấp tỉnh đến các KBNN cấp Huyện và Thành phố trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra đề tài còn điều tra một số đơn vị thường xuyên có giao dịch với KBNN Thừa Thiên Huế ở các khoản mục thu chi thường xuyên, thu chi đầu tư xây dựng cơ bản...

Trong nghiên cứu có sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khẳng định CFA và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Theo Hu và Bentler (1999), với số lượng 25 biến quan sát tiềm ẩn trong thiết kế điều tra thì cần phải đảm bảo có ít nhất 125 quan sát trong mẫu điều tra. Để đảm bảo yêu cầu, mẫu điều tra của tác giả là 150 phiếu, đây là các đối tượng có liên quan đến công tác Kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế.

Phương pháp tổng hợp và phân tích

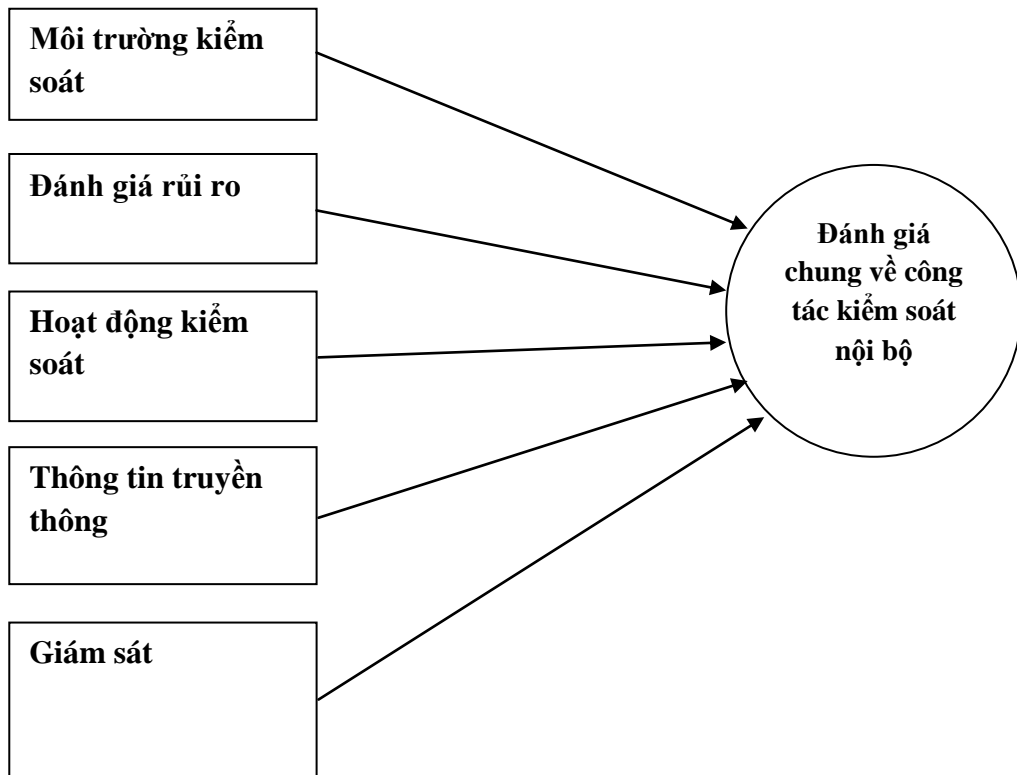
Thông tin thu thập được làm sạch, xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0, AMOS 20.0. Thang đo sau khi được đánh giá bằng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach Alpha. Các

phương pháp được sử dụng như thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phân tổ thống kê... Phương pháp toán kinh tế: Phân tích nhân tố khám phá và mô hình cấu trúc tuyến tính.

Theo Hu và Bentler (1999) các chỉ số nhằm thỏa mãn mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) trong mô hình nghiên cứu của tác giả là: $CMIN/df < 3$; $CFI > 0,9$; $GFI > 0,8$; $RMSEA < 0,6$.

3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên các nghiên cứu tác giả tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu của COSO (2013) và nghiên cứu của tác giả. Tác giả đã xây dựng 5 nhóm nhân tố dưới đây nhằm đánh giá tác động của các nhân tố đến công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế dưới đây:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: COSO 2013

Theo khuôn mẫu KSNB của Báo cáo COSO năm 2013, hệ thống KSNB bao gồm 5 yếu tố với như sau: Môi trường kiểm soát; Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Thông tin truyền thông; Giám sát.

Từ mô hình nghiên cứu đề xuất trên, tác giả thiết kế bảng hỏi để phỏng vấn các đối tượng là Cán bộ Kho bạc và các đơn vị giao dịch có liên quan trực tiếp đến công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế. Bảng hỏi được thiết kế theo thang điểm Likert 5 mức độ đánh giá các tiêu chí thuộc các nhân tố nêu trên.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát nội bộ thông qua điều tra số liệu sơ cấp

Để có cái nhìn tổng quát và chính xác hơn về thực trạng công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng phiếu điều tra tất cả các đối tượng có liên quan trực tiếp với công tác Kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế:

- Các Cán bộ công tác tại Kho bạc tỉnh và Kho bạc Huyện. Trong đó:

Đối với Kho bạc tỉnh, tác giả điều tra đối với Ban giám đốc và các cán bộ liên quan đến công việc thanh tra và kiểm soát. Tổng số phiếu điều tra là 20 phiếu.

Đối với Kho bạc các Huyện, tác giả điều tra khảo sát đối với Ban Giám đốc tuyến huyện và mỗi huyện 02 chuyên viên phụ trách công tác Kiểm soát chi. Tổng số phiếu điều tra là 74 phiếu.

- Các Đơn vị sử dụng NSNN: Đây là những đối tượng thường xuyên tiếp xúc với Kho bạc, có cái nhìn chính xác đối với thực trạng công tác Kiểm soát thu, chi NSNN cũng như quy trình luân chuyển chứng từ, giám sát tại Kho bạc. Tổng số phiếu điều tra là 56 phiếu.

Nội dung của bảng hỏi: Phần thông tin chung tìm hiểu các thông tin về đối tượng điều tra như: giới tính, nhóm tuổi, thời gian công tác, trình độ chuyên môn được đào tạo, đơn vị trực thuộc, vị trí công việc. Phần nội dung khảo sát là các câu hỏi liên quan đến công tác kiểm soát nội bộ dựa được thiết kế dựa trên COSO 2013 bao gồm: Hoạt động kiểm soát, giám sát, thông tin truyền thông, đánh giá rủi ro và môi trường kiểm soát

Theo nghiên cứu của tác giả, mẫu điều tra cơ bản phù hợp, đảm bảo được tính đại diện và có thể tiến hành được các phân tích tiếp theo.

Bảng 1. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo thành phần biến tiềm ẩn

STT	Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT			0,937
MTKS1	Thái độ phục vụ của cán bộ Kho bạc đối với đơn vị giao dịch là tốt	0,526	0,935
MTKS2	Trình độ CBCC Kho Bạc đáp ứng tốt nhu cầu trong quá trình thực thi nhiệm vụ	0,615	0,934
MTKS3	Các cán bộ Kho Bạc được bố trí phù hợp với nhiệm vụ được giao	0,563	0,935
MTKS4	Ban lãnh đạo Kho bạc luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị giao dịch	0,605	0,934
THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG			0,937
TTTT1	Các đơn vị sử dụng NSNN luôn chấp hành việc lập chứng từ theo quy định	0,668	0,933
TTTT2	Hồ sơ chứng từ đem đến Kho bạc chưa đúng quy định đều được trả về và bổ sung	0,712	0,932
TTTT3	Chương trình TABMIS hiện nay đã hỗ trợ hiệu quả cho kiểm soát nội bộ	0,760	0,931
TTTT4	Kế toán nhập các yếu tố chứng từ lên các chương trình kiểm soát khá tốt	0,752	0,932
TTTT5	Việc thực hiện giao dịch “một cửa” đem lại hiệu quả cao	0,669	0,933
TTTT6	Các bộ kho bạc thường xuyên nghiên cứu các chế độ văn bản kế toán mới	0,664	0,933
ĐÁNH GIÁ RỦI RO			0,937
DGRR1	Kho Bạc luôn đề ra mục tiêu phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ	0,556	0,935
DGRR2	Việc ban hành khung kiểm soát rủi ro trong hoạt động kế toán đã đạt được hiệu quả tốt	0,533	0,935
DGRR3	Việc ban hành khung kiểm soát rủi ro trong hoạt động thanh toán vốn đầu tư đã đạt được hiệu quả tốt	0,546	0,935
DGRR4	Việc ban hành khung kiểm soát rủi ro trong hoạt động kho quỹ đã đạt được hiệu quả tốt	0,540	0,935
HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT			0,937
HDKS1	Cán bộ Kho Bạc luôn chấp hành sự phân công theo quy định	0,519	0,935
HDKS2	Tất cả chứng từ phát sinh đều được xử lý kịp thời theo quy định	0,626	0,934
HDKS3	Công tác tự thanh tra kiểm tra tại kho bạc được thực hiện khá tốt	0,580	0,934
HDKS4	Việc thực hiện quy trình xử lý sau thanh tra	0,593	0,934

STT	Biến quan sát	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
	được thực hiện khá tốt		
	GIÁM SÁT		0,937
GS1	Công tác thanh tra kiểm tra tại kho bạc được thực hiện khá tốt	0,521	0,935
GS2	Hình thức thanh tra kiểm tra thường xuyên mang lại hiệu quả cao	0,493	0,935
GS3	Hình thức thanh tra kiểm tra định kỳ đem lại hiệu quả cao	0,605	0,934
GS4	Chất lượng thanh tra kiểm tra ngày càng mang lại hiệu quả	0,601	0,934
	ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ		0,937
DGC1	Công tác thanh tra kiểm tra tại kho bạc được thực hiện khá tốt	0,501	0,935
DGC2	Hình thức thanh tra kiểm tra thường xuyên mang lại hiệu quả cao	0,421	0,936
DGC3	Hình thức thanh tra kiểm tra định kỳ đem lại hiệu quả cao	0,632	0,934

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS

Kết quả đánh giá độ tin cậy các thang đo cho thấy rằng, tất cả hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều lớn hơn 0,7 tức là thang đo này có thể sử dụng tốt. Cụ thể, hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo về Môi trường kiểm soát; Thông tin truyền thông; Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Giám sát; Đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ đều đạt 0,937. Ngoài ra, tất cả hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Do đó, những thang đo này điều kiện để tiến hành phân tích nhân tố khẳng định CFA.

Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's Test với phương pháp quay trục các nhân tố không vuông góc (Promax) ở bảng 2 cho thấy, cơ sở dữ liệu này là hoàn toàn phù hợp vì giá trị kiểm định đạt 0,898 với độ tin cậy là 95% (Sig = 0,000 < 0,05). Điều này cho thấy kỹ thuật phân tích nhân tố CFA là hoàn toàn có thể thực hiện được trong nghiên cứu này bởi vì quy mô mẫu thích hợp và đủ lớn để thực hiện.

**Bảng 2. Kiểm định số lượng mẫu thích hợp KMO
(KMO and Bartlett's Test)**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,898
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2932,423
	Df	300
	Sig	0,000

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS

Với phép quay không vuông góc. Các biến tiềm ẩn trong nghiên cứu của tác giả đã được nhóm thành các nhân tố lớn hơn.

Bảng 3. Kết quả bảng trích nhân tố khẳng định CFA (Pattern Matrix^a)

Mã hóa	Hệ số tải các nhân tố tiềm ẩn					
	1	2	3	4	5	6
TTTT1	0,961					
TTTT2	0,919					
TTTT3	0,863					
TTTT4	0,768					
TTTT5	0,739					
TTTT6	0,705					
HDKS1		0,915				
HDKS2		0,891				
HDKS3		0,885				
HDKS4		0,835				
DDRR1			0,882			
DDRR2			0,867			
DDRR3			0,863			
DDRR4			0,804			
MTKS1				0,983		
MTKS2				0,743		
MTKS3				0,730		
MTKS4				0,607		
GS1					0,805	
GS2					0,752	
GS3					0,747	
GS4					0,604	
DGC1						0,883
DGC2						0,752
DGC3						0,714

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS

Khi tiến hành phân tích nhân tố người nghiên cứu đòi hỏi phải định trước một số vấn

đề sau: số lượng nhân tố cần đưa ra, phương pháp sử dụng đảo trục nhân tố (Rotating the factors) cũng như là hệ số tương quan ngưỡng để loại bỏ các nhân tố. Theo nghiên cứu của Almeda (1999), số lượng nhân tố cần đưa ra được tính toán dựa trên dự tính của phạm vi nghiên cứu và dựa trên khung nghiên cứu này để đưa ra các câu hỏi cụ thể. Thông thường các nhân tố sau khi được nhóm phải nhỏ hơn số biến ban đầu đồng thời cũng được dựa vào tổng phương sai tích lũy giữa hai nhân tố (hệ số tương quan của yếu tố) phải ít nhất bằng 0,5 thì mới xem là đạt yêu cầu và đây chính là điểm ngưỡng để loại bỏ các câu hỏi khác trong quá trình phân tích nhân tố. Kết quả phân tích nhân tố ở bảng 3 cho thấy, có 6 nhóm nhân tố tiềm ẩn trong nghiên cứu của tác giả.

- **Nhân tố thứ nhất:** Nhân tố này gồm 4 biến điều tra trong bảng hỏi. Nhân tố này được đặt tên là **Môi Trường Kiểm Soát**.

- **Nhân tố thứ hai:** Nhân tố này gồm 6 biến điều tra trong bảng hỏi. Nhân tố này được đặt tên là **Thông Tin Truyền Thông**.

- **Nhân tố thứ ba:** Nhân tố này gồm 4 biến điều tra trong bảng hỏi. Nhân tố này được đặt tên là **Đánh giá rủi ro**.

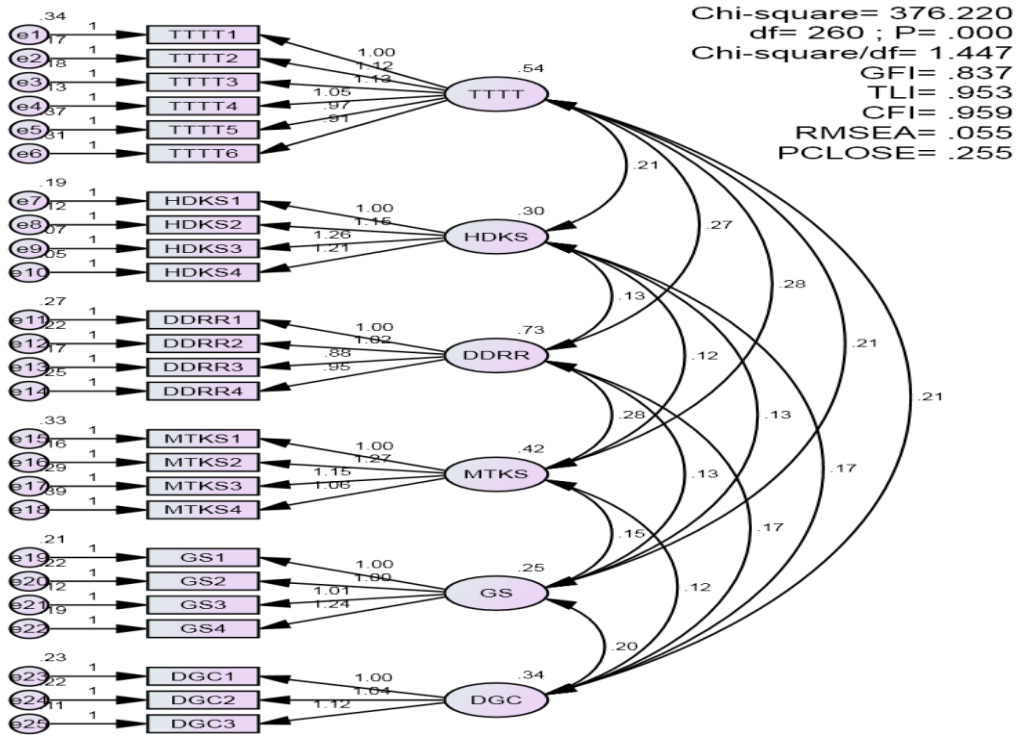
- **Nhân tố thứ tư:** Nhân tố này gồm 4 biến điều tra trong bảng hỏi. Nhân tố này được đặt tên là **Hoạt động kiểm soát**.

- **Nhân tố thứ năm:** Nhân tố này gồm 4 biến điều tra trong bảng hỏi. Nhân tố này được đặt tên là **Giám sát**.

- **Nhân tố thứ sáu:** Nhân tố này gồm 3 biến điều tra trong bảng hỏi. Nhân tố này được đặt tên là **Đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ**.

Ngoài ra, do tổng phương sai rút trích của tất cả các nhân tố đưa vào phân tích bằng **70,803 %** lớn hơn tiêu chuẩn 50% cho thấy sự phù hợp của phân tích nhân tố đối với tập hợp các biến nghiên cứu.

Tác giả tiếp tục đưa nhóm các nhân tố này vào phân tích khẳng định CFA. Nhằm kiểm định xem mô hình nghiên cứu của tác giả đã đạt yêu cầu hay chưa.



Hình 2. Phân tích nhân tố khám phá CFA các nhân tố tiềm ẩn liên quan đến công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế.

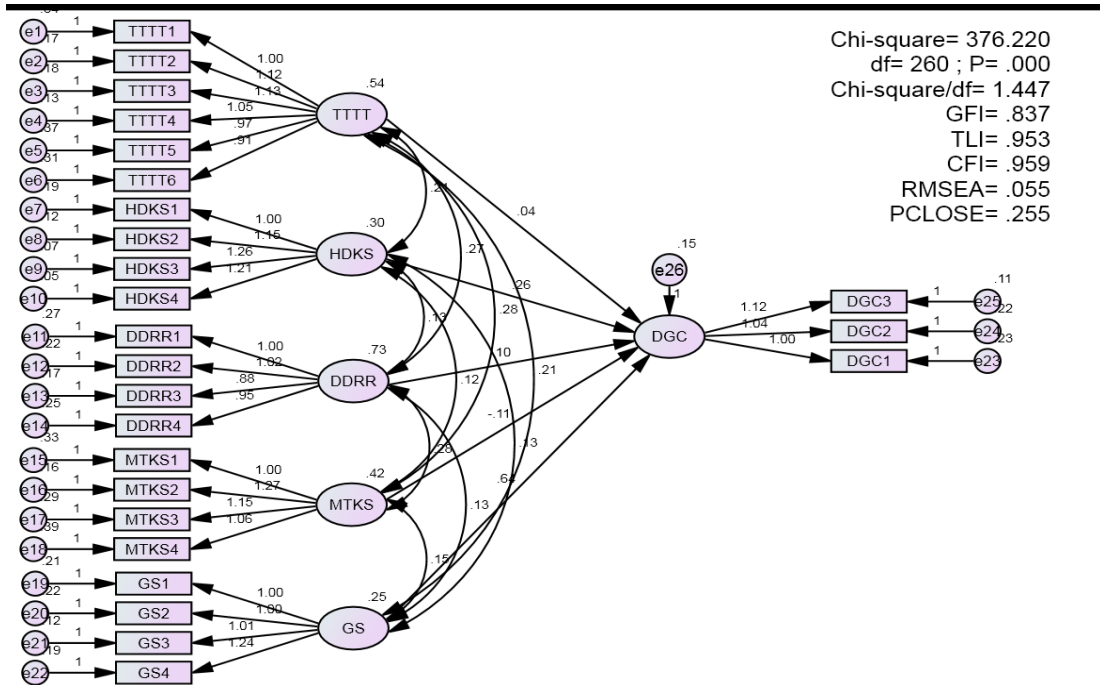
Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với AMOS

Nhìn vào Hình 2 ta thấy rằng các nhân tố tiềm ẩn mà tác giả lựa chọn khá phù hợp trong việc phân tích các nhân tố. Các nhân tố tiềm ẩn đã được khẳng định lại là phù hợp trong nghiên cứu của tác giả. Các biến tiềm ẩn đều có tác động đến nhân tố chính trong mô hình khá mạnh mẽ (hệ số tác động đều lớn hơn 0,5).

Ngoài ra các chỉ số khẳng định mô hình nghiên cứu Chi-square điều chỉnh theo bậc tự do (CMIN/df) là $1,447 < 3$; Chỉ số thích hợp so sánh (CFI_ Comparative Fit Index) là $0,959 > 0,9$. Chỉ số RMSEA (Root Mean Square Error Approximation). Ước tính lỗi trung bình gốc là $0,055 < 0,06$. Như vậy mô hình nghiên cứu và bảng hỏi tác giả đưa ra là phù hợp trong nghiên cứu của tác giả. Có thể khẳng định lại mô hình nghiên cứu này là tốt.

4.1.2. Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát nội bộ thông qua điều tra số liệu sơ cấp

Trên cơ sở các nhân tố đã được khẳng định hội tụ và phân biệt với nhau, tác giả tiến hành chuyển sang mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) nhằm đánh giá sự tác động của các nhân tố độc lập đến nhân tố chính trong nghiên cứu của tác giả là: Đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế. Và kết quả được trích xuất ra như sau:



Hình 3. Phân tích cấu trúc tuyến tính SEM các nhân tố ảnh hưởng công tác Kiểm soát nội bộ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế Huế

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với AMOS

Nhìn vào Hình 3 các chỉ số khẳng định mô hình cũng khá phù hợp. Kết quả kiểm định các biến độc lập: **Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Giám sát** đều có giá trị Sig < 0,05, còn các biến **Môi trường kiểm soát; Thông tin truyền thông** có giá trị Sig > 0,05 ở trên Bảng hồi quy trong phân tích cấu trúc các nhân tố; Với độ tin cậy là 95% cho thấy các biến: **Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Giám sát** đưa vào mô hình có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy 95% và có mối quan hệ tác động lên biến phụ thuộc – **Đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ.**

Hệ số xác định bội R^2 bình phương điều chỉnh trong mô hình này là 0,545 (tương ứng với 54,5%) thể hiện sự phù hợp của mô hình với tổng thể. Điều này nói lên độ thích hợp của mô hình là 54,5% hay nói một cách khác là 54,5% sự biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích chung bởi các biến độc lập trong mô hình.

Bảng 4. Các chỉ số chuẩn hóa các nhân tố tác động đến đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế. (Standardized Regression Weights)

Hướng tác động	R bình phương = 0,545 Hệ số hồi quy chuẩn hóa
Đánh giá rủi ro =>	
Đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế	0,152
Hoạt động kiểm soát =>	
Đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế	0,246
Giám Sát =>	
Đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế	0,547

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với AMOS

4.2. Thảo luận và giải đáp

Tại bảng phân tích Các chỉ số chuẩn hóa các nhân tố tác động đến đánh giá chung về công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế trong mô hình cấu trúc SEM ta thấy rằng các nhân tố đều tác động khá mạnh đến công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế. Cụ thể: **Đánh giá rủi ro:** Hệ số hồi quy của nhân tố trong mô hình hồi quy bằng 0,152 có ý nghĩa ở mức $< 0,05$ cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát nội bộ tại kho bạc tốt hơn thêm 0,152% và ngược lại. **Hoạt động kiểm soát:** Với hệ số hồi quy của nhân tố trong mô hình là 0,246 cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi nội bộ tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,246 % và ngược lại. **Giám sát:** Đây là nhân tố tác động khá mạnh. Với hệ số hồi quy của nhân tố trong mô hình là 0,547 cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát nội bộ tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,547 % và ngược lại.

Như vậy, qua việc phân tích ý nghĩa của các nhân tố trong phân tích cấu trúc tuyến tính SEM ta thấy rằng các nhân tố về **Đánh giá rủi ro; Hoạt động kiểm soát; Giám sát** đều ảnh hưởng đến công tác Kiểm nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế. Do đó việc xây dựng các quy chuẩn rủi ro, kết hợp với thực hiện các kiểm soát. Đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên trong công tác kiểm soát nội bộ sẽ cải thiện được nhiều hơn và tăng tính hiệu quả hơn trong công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế.

Từ đó tác giả đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm giúp hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ tại KBNN Thừa Thiên Huế như sau:

Giải pháp hoàn thiện đánh giá rủi ro

Hiện nay KBNN đã ban hành Quy định tạm thời khung Quản lý rủi ro trong các hoạt động thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán, kho quỹ nhưng vẫn còn những rủi ro có thể xảy ra nhất là trong công tác kế toán không thể nhận thấy được. Do đó Ban Giám đốc KBNN Thừa Thiên Huế cần phải có các giải pháp như sau:

Định kỳ cần phải tổ chức rà soát, kiểm tra, tự kiểm tra công tác kế toán không những theo nội dung trong khung quản lý rủi ro mà qua thực tế sẽ có những sai sót ngoài những nội dung đã ban hành có thể lấy kết luận của Thanh tra Kho bạc Nhà nước, ý kiến đóng góp của khách hàng, các báo cáo kết luận của Phòng Thanh tra, cán bộ làm công tác kiểm tra nội bộ tại đơn vị ... để nhận dạng những khó khăn, hạn chế những rủi ro.

Tổ chức đánh giá hệ thống văn bản chế độ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ KBNN Thừa Thiên Huế, rút ra được khiếm khuyết tồn tại của văn bản chế độ để chủ động đề xuất với KBNN Trung ương những bất cập về cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ xin ý kiến thực hiện cho phù hợp.

Cán bộ công chức (CBCC) cần phải cập nhật văn bản nhanh chóng, kịp thời để thực hiện theo đúng luật, chế độ, định mức; yêu cầu khách hàng xem xét thực hiện các văn bản chính thức, cơ bản giúp đơn vị, cá nhân hạn chế những sai sót do khách hàng lập chứng từ sai mục lục ngân sách, chi sai chế độ, sai nguồn kinh phí.

Về công nghệ thông tin tại các kho bạc, để hạn chế và phòng tránh rủi ro mất an toàn thông tin từ phía người sử dụng KBNN Thừa Thiên Huế cần nêu cao ý thức trách nhiệm trong quản lý và sử dụng các thiết bị tin học cũng như khai thác sử dụng các phần mềm ứng dụng. Cần xây dựng quy chế an toàn thông tin đối với người sử dụng nghiêm cấm các hành vi sử dụng internet và thiết bị di động thiếu an toàn cho hệ thống. Đào tạo

an toàn thông tin cho cán bộ công chức

Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát

Để hoạt động kiểm soát đi vào nền nếp phát huy được tính hiệu quả của nó thì cần phải đề ra được các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của công tác kiểm tra. Công tác tự kiểm tra nội bộ là một trong những khâu quan trọng của quá trình quản lý các hoạt động KBNN, quản lý mà không kiểm tra hoặc xem nhẹ khâu kiểm tra thì không thể nắm được diễn biến của quá trình quản lý, không thể đánh giá được khâu ban hành và tổ chức thực hiện quyết định của quá trình quản lý và từ đó không thể đạt được các mục tiêu mà công tác quản lý đã đề ra. Để khắc phục những hạn chế trên, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tự kiểm tra tác giả xin đưa ra một số biện pháp sau:

Thực hiện ngay công tác tự kiểm tra, kiểm tra chéo phần hành của mỗi CBCC, rà soát lại các hồ sơ, tài liệu, chứng từ đã thực hiện thanh toán, chi trả cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Ban lãnh đạo cần tổ chức các kỳ kiểm kê đột xuất để phát hiện các sai sót tại các nghiệp vụ phát sinh để xử lý kịp thời, cần phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc từ việc xây dựng kế hoạch đến tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các bộ phận nghiệp vụ, các CBCC trong đơn vị thực hiện tốt công tác tự kiểm tra.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong đội ngũ CBCC về sự cần thiết, mục đích, ý nghĩa vai trò và tầm quan trọng của công tác tự kiểm tra để mọi CBCC xem công tác kiểm tra là khâu quan trọng không thể thiếu trong hoạt động nghiệp vụ KBNN. Là hoạt động mang tính thường xuyên giúp CBCC thực hiện có hiệu quả phần hành công việc được giao, tuân thủ nghiêm trong chính sách, chế độ, quy chế, quy trình nghiệp vụ.

Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng an toàn máy móc, thiết bị, tài sản chuyên dùng phù hợp với đặc điểm của đơn vị.

Giải pháp hoàn thiện công tác giám sát

Ngoài việc thiết kế, vận hành hệ thống KSNB để CBCC thực hiện các mục tiêu chung của đơn vị nó còn có chức năng giám sát giữa các CBCC với nhau, giữa các bộ phận lẫn nhau. Tuy nhiên Ban lãnh đạo cũng cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các công việc hàng ngày trong phạm vi quản lý qua đó cũng sẽ phát hiện được những

điểm chưa hợp lý, bất cập của hệ thống và có biện pháp điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Ban lãnh đạo đơn vị cũng cần phải quan tâm đến việc tiếp nhận các ý kiến phản hồi của các đơn vị giao dịch để điều chỉnh và phục vụ tốt hơn.

Cần phải kiện toàn đội ngũ cán bộ thực hiện công tác tự kiểm tra tại đơn vị; tổ chức tốt công tác khắc phục những hạn chế, tồn tại đã được các đoàn thanh tra, kiểm tra kiến nghị. Tổ chức thực hiện tốt công tác quán triệt, rút kinh nghiệm những vấn đề tồn tại qua kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống. Bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về công tác chuyên môn để CBCCC trong đơn vị vững về chuyên môn để thực hiện tốt công tác kiểm soát chi các khoản chi của NSNN, tránh hạn chế những rủi ro tổn thất cho NSNN.

5. Kết luận

Ngân sách Nhà nước luôn được xem là nguồn tài chính quan trọng cho quá trình vận hành và hoạt động của Nhà nước. Bên cạnh đó sự phát triển không ngừng của nền kinh tế Việt Nam thì đòi hỏi phải có cơ chế, chính sách phù hợp để kiểm soát nền kinh tế nhằm đảm bảo hoạt động nền kinh tế hoạt động có hiệu quả. Hệ thống kiểm soát nội bộ luôn được xem là công cụ kiểm soát hữu hiệu, nhằm hạn chế những rủi ro. Do đó hệ thống kiểm soát nội bộ không thể tách rời với sự phát triển của nền kinh tế.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng này, đề tài đã trình bày một cách đầy đủ và có hệ thống các vấn đề liên quan đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ. Bằng việc đi từ lý luận chung nhất về hệ thống kiểm soát nội bộ. Phần chính là việc khảo sát và đánh giá thực trạng tại đơn vị. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống KSNB tại KBNN Thừa Thiên Huế vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện các thành phần như: năng lực nhân viên; nhận dạng rủi ro; đánh giá rủi ro và phát triển các biện pháp đối phó; kiểm tra đối chiếu; phần thông tin và truyền thông; giám sát thường xuyên; giám sát định kỳ. Từ đó đề tài cũng đưa ra những giải pháp hoàn thiện hệ thống KSNB tại KBNN Thừa Thiên Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Afiah N.N & Azwari P.C (2015), ‘The Effect of the Implementation of Government Internal Control System on the Quality of Financial Reporting of The Local Government and its impact on the Principles of Good Governance: A Research in District, City, and Provincial Government in South Sumatera’, *Procedia – Social and Behaviour Sciences*, 211: p.811-818.
- Badara M.S. & Saidin S.Z (2013), ‘Impact of the Effective Internal Control System on the Internal Audit Effectiveness at Local Government Level’, *Journal of Social and Development Sciences*, 4: pp 16-23, ISSN 2221-1152.
- Bộ Tài Chính, *Thông tư 130 /2009/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2009 - “Quy định về hệ thống Báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị áp dụng trong Chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ KBNN ban hành theo Quyết định 120/2008/QĐ-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.*
- Bộ Tài Chính, *Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 03 năm 2016 – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi Ngân sách nhà nước Qua Kho bạc Nhà nước.*
- COSO (2013), *Internal control-Integrated Framework*, <http://www.coso.org>
- COSO (2013), *Internal control-Integrated Framework*, <http://www.coso.org>
- Đình Hoài Nam, 2016, ‘Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp trong Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị’, Luận án tiến sĩ. Học viện Tài chính.
- H & Bentler, P. M. (1999), *Evaluating model fit*, In R. H. Hoyle (Ed.), *Structural equation modeling: Concepts, issues, and applications* (p. 76–99), Sage Publications, Inc.
- INTOSAI GOV 2001, *Guidelines for Internal Control Standards for the Public Sector.*
- Joseph O.N. & Albert O. & Byaruhanga P.J. (2015), ‘Effect of Internal Control on Fraud Detection and Prevention on District Treasuries of Kakamega County’, *International Journal of Business and Management Invention*, 4 Issue 1, ISSN: 2319 – 8028
- Lê Quang Bính, 2006, ‘Hoàn thiện công tác nghiên cứu, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán và việc xác định trọng yếu, rủi ro trong hoạt động kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước’, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Bộ.
- Nguyễn Đức Thọ, 2015, *Đổi mới hoạt động KSNB về sử dụng ngân sách, tài sản.*
- Tô Ngọc Hưng, 2011, *Hệ thống giám sát tài chính Việt Nam*, Nhà xuất bản tài chính
- Trần Quang Huy, 2012, ‘Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ trong các bộ ngành Hàn Quốc’, *Tạp chí kiểm toán Nhà nước*, số 2/2012.

RESEARCH ON INTERNAL CONTROL AT THUA THIEN HUE STATE TREASURY

Phan Xuan Quang Minh, Pham Thi Ai My

Abstract. Internal control is a long-studied problem. However, research on internal control in the public sector is still quite limited. Therefore, the implementation of the study: "Internal control at the State Treasury of Thua Thien Hue province" to learn about the current status of effective internal control is one of the urgent issues. The new contribution of this research based on the analysis of linear structural model (SEM) shows a more specific view of internal control at the State Treasury in particular as well as other units in the the public sector in general, something no one has done before. In practice, the author hopes to contribute ideas to the government, the Ministry of Finance, and the State Treasury at all levels on improving the ability of controlling spending in the state treasury.

Keywords: Internal control; Monitoring; TABMIS; Risk Assessment; Control activities.

